

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Đồ án quy hoạch cảnh quan - 01 216413

CBGD: Đinh Quang Diệp (110)

| STT | Mã SV | Họ và tên | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|----------|-----------------------|---------|-------|------------------------|------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 1 | 08160009 | NGUYỄN TUẤN ANH | DH08TK | | <i>Tuấn Anh</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 2 | 08160011 | PHẠM DIỆU AN | DH08TK | | <i>Diệu An</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 3 | 08160013 | TRƯƠNG VĂN BIÊN | DH08TK | | <i>Trương Văn Biên</i> | | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 4 | 08160025 | VŨ NGUYỄN PHƯƠNG DUNG | DH08TK | | <i>Phương Dung</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 5 | 08160028 | NGÔ QUANG DŨNG | DH08TK | | <i>Quang Dũng</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6 | 08160029 | HUỶNH TRÍ DƯƠNG | DH08TK | | <i>Trí Dương</i> | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7 | 08160034 | LÊ THỊ TRANG ĐÀI | DH08TK | | <i>Trang Đài</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8 | 08160037 | NGUYỄN VĂN THANH ĐIỀN | DH08TK | | <i>Văn Thanh Điền</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9 | 08160038 | TRẦN THỊ THU ĐIỆP | DH08TK | | <i>Thu Diệp</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10 | 08160039 | TRẦN HUỶNH THANH ĐOAN | DH08TK | | <i>Thanh Doan</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11 | 08160040 | NGUYỄN THÀNH ĐÔNG | DH08TK | | <i>Thành Đông</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12 | 08160041 | LÊ VĂN TUẤN ĐỨC | DH08TK | | <i>Văn Tuấn Đức</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13 | 08160045 | ĐẶNG THU HÀ | DH08TK | | <i>Thu Hà</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14 | 08160047 | NGUYỄN THỊ THU HẢO | DH08TK | | <i>Thu Hảo</i> | 7,2 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15 | 08160051 | LÊ VĂN HIỀN | DH08TK | | <i>Văn Hiền</i> | 6,3 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 16 | 08160052 | NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN | DH08TK | | <i>Thu Hiền</i> | 8,6 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 17 | 08160054 | NGUYỄN MINH HÒA | DH08TK | | <i>Minh Hòa</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 18 | 08160061 | NGUYỄN HUY HOÀNG | DH08TK | | <i>Huy Hoàng</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 1 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm học 11-12

Môn Học : Đồ án quy hoạch cảnh quan - 01

CBGD: Đinh Quang Diệp (110)

| STT | Mã SV | Họ và tên | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|----------|-------------------|---------|--------|-----------|------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 19 | 08160069 | BÙI THỊ THANH | HUYỀN | DH08TK | | 7,2 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 20 | 08160070 | VÕ NỮ MINH | HUYỀN | DH08TK | | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 21 | 08160078 | NGUYỄN HOÀNG THỤY | KHANH | DH08TK | | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 22 | 08160079 | NGUYỄN | KHÁNH | DH08TK | | 7,2 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 23 | 08160080 | NGUYỄN THỊ LỆ | KIỀU | DH08TK | | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 24 | 08160082 | LÊ THỊ THANH | LAN | DH08TK | | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 25 | 08160086 | TRẦN THỊ ĐĂNG | LÊ | DH08TK | | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 26 | 08160089 | TRẦN NGỌC PHƯƠNG | LINH | DH08TK | | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 27 | 08160091 | VÕ THỊ XUÂN | LINH | DH08TK | | 8,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 28 | 08160093 | NGUYỄN THỊ KIM | LOAN | DH08TK | | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 29 | 08160095 | TRẦN TRỌNG | LỰC | DH08TK | | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 30 | 08160096 | HUYỀN THỊ HÀ | LY | DH08TK | | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 31 | 08160097 | NGÔ THỊ YẾN | LY | DH08TK | | 7,2 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 32 | 08160098 | NGUYỄN THỊ CẨM | LY | DH08TK | | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 33 | 08160104 | NGUYỄN NGỌC UYÊN | MINH | DH08TK | | 7,2 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 34 | 08160106 | LƯƠNG SỎ | NA | DH08TK | | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 35 | 08160107 | NGUYỄN QUỲNH | NA | DH08TK | | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 36 | 08160109 | NGUYỄN THỊ HẰNG | NGA | DH08TK | | 8,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 1 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Đồ án quy hoạch cảnh quan - 01

CBGD: Đinh Quang Diệp (110)

| STT | Mã SV | Họ và tên | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|----------|----------------------------|---------|-------|--------------------|------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 37 | 08160114 | LÊ THỊ NGOÃN | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 38 | 08160115 | CAO THỊ BÍCH NGỌC | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 39 | 08160118 | HUỖNH THỊ MINH NGUYỆT | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 40 | 08160119 | LÊ THỊ MINH NGUYỆT | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 41 | 08160123 | TRẦN THỊ HỒNG NHUNG | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 42 | 08160127 | TRẦN HUỖNH HOÀNG PHÚC | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 8,3 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 43 | 08160131 | NGUYỄN HOÀNH PHƯỚC | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 44 | 08160132 | VŨ THỊ KIM PHƯƠNG | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 45 | 08160134 | VÕ HỒNG QUÂN | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 46 | 08160144 | TRẦN NGỌC THÀNH | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 47 | 08160147 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 48 | 08160149 | BỒ QUANG THỊNH | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 49 | 08160152 | LÊ THỊ THU | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 50 | 08160153 | TRẦN THỊ NGỌC THU | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 51 | 08160154 | NGUYỄN THỊ THANH THÙY | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 52 | 08160161 | NGUYỄN THANH TOÀN | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 53 | 08160163 | CHU THỊ THÙY TRANG | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 7,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 54 | 08160164 | HUỖNH NGUYỄN HUỖN TRANG | DH08TK | | <i>[Signature]</i> | 8,0 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trường Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 1 năm 2012

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 11-12

Môn Học : Đồ án quy hoạch cảnh quan - 01

CBGD: Đinh Quang Diệp (110)

| STT | Mã SV | Họ và tên | Tên lớp | Số tờ | Chữ ký SV | Điểm | Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên | Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân |
|-----|----------|-------------------|---------|-------|-----------|------|----------------------------------|-------------------------------------|
| 55 | 08160174 | NGUYỄN BẢO TRỌNG | DH08TK | | | 7,2 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 56 | 08160175 | NGUYỄN MINH TRUNG | DH08TK | | | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 57 | 08160176 | NGUYỄN TẤN TRUNG | DH08TK | | | 7,5 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 58 | 08160179 | LÊ DANH TRÚ | DH08TK | | | 8,4 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 59 | 08160194 | NGUYỄN MINH VƯƠNG | DH08TK | | | 8,4 | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 60 | 10160103 | NGUYỄN VĂN THIÊN | DH10TK | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| | | | | | | | V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |

Số bài:.....; Số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 8 tháng 1 năm 2012

TS. ĐINH QUANG DIỆP

Đ. Diệp